

Phát triển nông nghiệp Việt Nam trong nền kinh tế thị trường hội nhập giai đoạn 2011 - 2020

NGUYỄN TRẦN TRỌNG

Kinh nghiệm thực tiễn cho thấy: chỉ có phát triển một nền nông nghiệp hàng hóa theo hướng kinh tế thị trường và hiện đại hóa mới có thể thực hiện được vai trò quan trọng của mình đối với nền kinh tế quốc dân và xã hội. Vận dụng vào điều kiện nước ta, thông qua phân tích, tác giả đề xuất một số định hướng chính sách phát triển nông nghiệp Việt Nam phù hợp với nền kinh tế thị trường hội nhập giai đoạn 2011 - 2020.

1. Nhìn lại việc thực hiện vai trò của nông nghiệp

Vai trò quan trọng của nông nghiệp đối với nền kinh tế quốc dân và của xã hội đã được thừa nhận từ lâu và đã khái quát thành những triết lý “Dĩ nông vi bản”, “Phi nông bất ổn”....

Trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, Liên Xô đã đề cập vai trò của nông nghiệp trong đường lối phát triển kinh tế: “Nông nghiệp là cơ sở để phát triển công nghiệp, công nghiệp giữ vai trò chủ đạo của nền kinh tế quốc dân, ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, trọng tâm là cơ khí.”

Các nước xã hội chủ nghĩa khác đều tuân thủ triệt để đường lối kinh tế này.

Tuy vậy, trên thực tiễn, nông nghiệp xã hội chủ nghĩa không thực hiện được vai trò quan trọng của mình. Trong tất cả các nước xã hội chủ nghĩa, nông nghiệp đều đi vào suy thoái, khủng hoảng và sụp đổ. Nạn khan hiếm lương thực, thực phẩm diễn ra ngày càng trầm trọng.

Liên Xô là một nước giàu tài nguyên nông nghiệp, có nhiều vùng đất tốt, bình quân đầu người khoảng 1ha đất canh tác, thế mà từ năm 1963 cho đến khi sụp đổ, hàng năm phải nhập khẩu 20 triệu tấn lúa mì của Mỹ và Canada. Lương thực thực phẩm thiếu trầm

trọng, đặc biệt vào những năm cuối thập kỷ 80 của thế kỷ XX.

Tình hình đó cũng diễn ra ở Trung Quốc, Việt Nam và ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa khác.

Đáng ngạc nhiên, trong khi đó, nông nghiệp Hungari từ năm 1956 lại khởi sắc và phát triển liên tục, mạnh mẽ. Vào những năm đầu thập kỷ 80 của thế kỷ trước, Hungari đã trở thành một nước dồi dào lương thực và thực phẩm, đạt bình quân đầu người 1400 kg ngũ cốc và 140 kg thịt, vượt qua Mỹ có nền nông nghiệp phát triển hàng đầu thế giới đã đạt bình quân đầu người 1100 kg ngũ cốc và 110 kg thịt.

Nông nghiệp Hungari không chỉ nuôi 8 triệu dân trong nước, mà còn đủ nuôi thêm 16 triệu khách du lịch nước ngoài, thừa nguyên liệu cung cấp cho ngành công nghiệp được phẩm và xuất khẩu nông sản sang các nước khác.

Thành tựu của nền nông nghiệp Hungari lúc bấy giờ thật là rực rỡ. Một số nhà kinh tế và quản lý tìm hiểu nguyên nhân của sự thành công trên và thấy rằng Hungari đã khôn khéo từ bỏ đường lối kinh tế Xô Viết và sáng tạo một đường lối kinh tế phù hợp, trong đó có đường lối ưu tiên phát triển nông

Nguyễn Trần Trọng, GS. TS. Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

ngành, chuyển nông nghiệp lên sản xuất hàng hóa theo hướng kinh tế thị trường và hiện đại hóa nhằm phục vụ đắc lực cho hai ngành mũi nhọn là du lịch và công nghiệp dược phẩm, góp phần xuất khẩu nông sản. Nhờ đó, nông nghiệp Hungari thực hiện được vai trò quan trọng của mình đối với nền kinh tế quốc dân và của xã hội.

Từ thực tiễn đó, chúng ta nhìn lại việc thực hiện vai trò của nông nghiệp và thấy rằng không phải bất cứ nền nông nghiệp nào cũng có thể thực hiện được vai trò quan trọng của mình. Chỉ có nền nông nghiệp hàng hóa theo kinh tế thị trường và hiện đại hóa mới có thể thực hiện được vai trò quan trọng của mình đối với nền kinh tế quốc dân và xã hội.

Sự khôi phục và phát triển của nông nghiệp Trung Quốc sau cải cách kinh tế 1979, của Việt Nam sau đổi mới 1986 và của các nước xã hội chủ nghĩa cũ, sau khi đã chuyển sang kinh tế thị trường đã chứng minh nhận thức này là đúng.

Kinh tế thị trường đã trải qua nhiều giai đoạn, hiện nay là nền kinh tế thị trường hiện đại. Một trong những đặc trưng của kinh tế thị trường hiện đại là sự hội nhập. Nó lôi cuốn các quốc gia tham gia vào sự phân công lao động quốc tế, tham gia vào thị trường thế giới. Đó là một xu thế tất yếu, không thể đảo ngược. Vì vậy, phát triển nông nghiệp trong nền kinh tế thị trường hội nhập ở Việt Nam là cần thiết.

2. Phát triển nông nghiệp trong nền kinh tế thị trường hội nhập ở Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020

Phát triển nông nghiệp trong nền kinh tế thị trường hội nhập ở Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 đòi hỏi trước tiên phải đổi mới cách tiếp cận với nông nghiệp theo ba góc độ: thị trường, công nghiệp, môi sinh và thực hiện các định hướng chủ yếu sau đây.

2.1. Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng kinh tế thị trường hiện đại trong các đơn vị, các ngành, các vùng đã hình thành, đồng thời từng bước chuyển các đơn vị, các ngành

các vùng nông nghiệp còn căn bản tự túc tự cấp ở các tỉnh miền núi, vùng dân tộc ít người lên sản xuất hàng hóa, xây dựng các vùng sản xuất nông sản xuất khẩu tập trung, nhằm đáp ứng được nguồn cầu về nông sản phẩm của thị trường trong nước và thị trường thế giới theo số lượng ngày càng nhiều, chủng loại ngày càng đa dạng, chất lượng ngày cao, giá ngày càng rẻ. Chất lượng nông sản phẩm là vấn đề cần đặc biệt quan tâm.

Trong thời gian qua, nông nghiệp Việt Nam đã cung cấp một khối lượng lớn nông sản hàng hóa cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu gạo nhiều năm đứng thứ hai trên thế giới với khối lượng 3,5 triệu tấn trong năm 2000; 5,2 triệu tấn trong năm 2005, 4,7 triệu tấn trong năm 2008 và ước tính 6 triệu tấn năm 2010, chiếm tỷ lệ 20-30% tổng sản lượng lúa gạo cả nước. Cà phê xuất khẩu của Việt Nam đứng thứ nhì trên thế giới với 1,004 triệu tấn trong năm 2008 đạt 2,8 tỷ USD bằng 95% tổng sản lượng. Cao su xuất khẩu đạt 645.000 tấn (2008) chiếm 85%, tổng sản lượng tiêu xuất khẩu đứng thứ nhất trên thế giới với 90.000 tấn chiếm 98% tổng sản lượng. Điều xuất khẩu trong năm 2006 đạt 127.000 tấn vượt Ấn Độ trở thành nước dẫn đầu thị trường thế giới chiếm 90% tổng sản lượng. Chè xuất khẩu đạt 104.000 tấn (2008) chiếm 75% tổng sản lượng chè trong nước. Đồ gỗ xuất khẩu đạt 2 tỷ USD. Thủy sản xuất khẩu đạt 4,5 tỷ USD (2008)....

Tuy vậy, chất lượng nông sản phẩm chưa cao. Trên thị trường nội địa việc an toàn vệ sinh thực phẩm là vấn đề bức xúc và đáng lo ngại đối với người tiêu dùng. Trên thị trường thế giới, chất lượng nông sản xuất khẩu của Việt Nam thấp so với các nước trong khu vực, do đó giá trị thương phẩm thấp.

Chất lượng gạo xuất khẩu không cao, nên giá bán thấp thua giá gạo xuất khẩu của nhiều nước. Năm 2008, cùng 1 loại gạo 5% tấm, giá gạo của Việt Nam thấp thua giá gạo của Thái Lan bình quân cả năm là 40 - 50 USD/tấn; hiện nay là 20 đến 35 USD/tấn. Do

đó khi xếp hạng theo giá trị xuất khẩu Việt Nam không còn giữ vị trí thứ hai mà rơi xuống vị trí thứ tư trên thị trường gạo xuất khẩu thế giới. Đơn giá xuất khẩu cà phê Việt Nam thấp hơn các nước từ 150 đến 480 USD/tấn. Có năm, cà phê xuất khẩu kém chất lượng bị trả lại đến 20% tổng sản lượng cà phê xuất khẩu. Thủy sản xuất khẩu đặc biệt là tôm xuất khẩu vào Nhật Bản đôi khi bị cảnh báo là dư lượng hóa chất vượt quá mức cho phép. Nếu không khắc phục sẽ cấm nhập. Quỹ bảo vệ động vật hoang dã thế giới (W.WF) đưa cá tra xuất khẩu Việt Nam vào danh sách đỏ, nuôi trong môi trường không đảm bảo an toàn thực phẩm và khuyến cáo người tiêu dùng các nước trên thế giới không nên mua cá tra Việt Nam....

Từ thực tiễn trên, trong giai đoạn 2011-2020, vấn đề nâng cao chất lượng nông sản phẩm, đặc biệt là chất lượng nông sản phẩm xuất khẩu phải được quan tâm đầy đủ hơn, phấn đấu đạt quy chuẩn quốc gia và quy chuẩn quốc tế về chất lượng nông sản phẩm đã đề ra. Đây là sự sống còn của xuất khẩu nông sản phẩm.

Việc mở rộng thị trường trong nước và thị trường thế giới đối với nông sản phẩm hàng hóa là một cơ hội to lớn cho việc phát triển nông nghiệp trong nền kinh tế thị trường hội nhập ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020. Nhưng sự đòi hỏi khắt khe của thị trường đặc biệt là của thị trường thế giới, những nhà nhập khẩu, những nhà phân phối về khối lượng, chủng loại, chất lượng nông sản phẩm hàng hóa trong đó có độ an toàn vệ sinh thực phẩm, mẫu mã và kích cỡ, hương vị, màu sắc... và về thời gian giao hàng... là một thách thức gay go to lớn đối với nông nghiệp Việt Nam cần phải vượt qua.

Để nâng cao chất lượng nông sản phẩm hàng hóa của Việt Nam, trước hết cần đổi mới cách tiếp cận với thị trường, phải căn cứ vào nguồn cầu của thị trường chứ không phải xuất phát từ khả năng nguồn cung vốn có của Việt Nam. Nguồn cầu của thị trường đặc biệt của thị trường thế giới rất cụ thể, rất đa dạng, rất phức tạp nên cần phải nghiên cứu

kỹ. Tiếp đến, phải áp dụng khoa học công nghệ cao, thực hiện đúng quy trình kỹ thuật tiên tiến ở tất cả các khâu trong quá trình sản xuất, từ khâu chọn giống, kỹ thuật trồng, nuôi chăm sóc đến khâu thu hoạch, sau thu hoạch, bảo quản, chế biến và trong khâu lưu thông phân phối đến người tiêu dùng.

Phải quản lý tốt việc tổ chức, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ cho phát triển nông nghiệp hàng hóa, tránh chỉ đơn thuần chạy theo lợi nhuận mà xem nhẹ chất lượng nông sản phẩm hàng hóa.

2.2. Thực hiện chiến lược đẩy mạnh tăng năng suất cây trồng, vật nuôi, tăng năng suất ruộng đất, đồng thời với bước đi phù hợp chú ý đến tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất trên đơn vị nông sản phẩm có chất lượng cao

Để thực hiện chiến lược này cần đưa công nghệ hiện đại vào nông nghiệp. Một hình thức công nghệ hiện đại đó là sự kết hợp sinh học, có nghĩa là nâng cao năng suất cây trồng bằng sử dụng những giống đã được cải tiến¹.

Trong thời gian qua, năng suất cây trồng tăng nhanh. Năng suất lúa cả năm đạt 4,2 tấn trong năm 2000; 4,89 tấn trong năm 2005; 4,99 tấn trong năm 2007; và 5,22 tấn trong năm 2008. Tương ứng với các năm trên, năng suất ngô cũng tăng lên 2,75 tấn/ha; 3,6 tấn/ha; 3,93 tấn/ha; 4,02 tấn/ha...

Năng suất ruộng đất cũng tăng lên. Trong những năm qua, nhiều mô hình sản xuất nông nghiệp như sản xuất, kinh doanh lúa màu, trái cây, chăn nuôi, thủy sản đạt 50 triệu đồng/ha/năm; 100-200 triệu đồng/năm/ha trồng hoa, nuôi tôm nuôi cá tra, nuôi thủy sản đặc sản đạt hàng tỷ đồng/ha/năm².

Tuy vậy, tiềm năng tăng năng suất cây trồng và năng suất ruộng đất còn nhiều. Năng suất lúa năm 2008 bình quân cả nước

1. Tập thể tác giả Malcolm Gilis.... Kinh tế học của sự phát triển Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, 1990.

2. Đào Huyền - Hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, Hà Nội mới, 15-11-2010.

đã đạt 5,22 tấn/ha, trong lúc đó của Thái Bình là 6,57 tấn/ha; Hưng Yên là 6,3 tấn/ha, An Giang là 6,2 tấn/ha. Năng suất ngô bình quân cả nước trong 2008 là 4,02 tấn/ha; trong lúc đó An Giang là 7,45 tấn/ha; Đồng Tháp là 7,38 tấn/ha. Năng suất cây trồng của nước ta còn thấp hơn một số nước trên thế giới. Năng suất lúa cả năm của Việt Nam đạt 5,22 tấn/ha, của Nhật bản là 6,8 tấn/ha, Năng suất sắn Việt Nam 16,1 tấn/ha của Ấn Độ là 30,91 tấn/ha. Năng suất mía của Việt Nam là 59,2 tấn/ha; Mỹ là 77,6 tấn/ha....³

Tiềm năng tăng năng suất ruộng đất của Việt Nam cũng còn lớn. Trong năm 2008, giá trị sản xuất nông nghiệp bình quân trên 1ha đất canh tác mới đạt 38,5 triệu đồng/ha trong lúc đó nhiều mô hình đã đạt cao hơn gấp 5 lần, có khi đến trên 20 lần như đã nêu trên...

Hiện nay, năng suất lúa của tỉnh Thái Bình năm 2008 đạt 5,87 tấn/ha cao hơn 1,25 lần so với năng suất cả năm của cả nước (5,22 tấn/ha) thế mà giá trị ngày lao động trong ngành trồng lúa rất thấp, có khi chỉ đạt 1.000 đồng/ngày. Nông dân một số nơi đã trả ruộng lại cho Nhà nước.

Trong ngành cà phê, mặc dù năng suất cà phê tăng 1,87 tấn/ha trong năm 2000 lên 2,10 tấn/ha trong năm 2008 nhưng giá thành tăng, sức cạnh tranh giảm. Giá thành 1kg cà phê với xuất khẩu là 23.000 đồng, tăng 100% so với cách đây 10 năm. Nhiều vùng cà phê, kể cả vùng cà phê tập trung ở Tây Nguyên đã sa vào cảnh thua lỗ hoặc lợi nhuận quá thấp⁴.

Một vấn đề đặt ra là phải có bước đi phù hợp áp dụng chiến lược tăng năng suất lao động trong nông nghiệp nước ta. Tuy trình độ, năng suất lao động có tăng lên nhưng vẫn còn thấp. Trong khi đó, số lao động trong ngành nông, lâm nghiệp có giảm từ 23.491,7 nghìn người (2000) xuống 21.950,0 nghìn người (2008), nếu tính cả ngành thủy sản thì giảm từ 24.430,6 nghìn người xuống 23.604,6 nghìn người. Tương ứng với hai năm trên, tỷ lệ lao động nông lâm nghiệp trong tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân đã giảm từ 62,46% xuống 48,37%, nếu kể

cả thủy sản thì giảm từ 65,09% xuống 52,12%. Năng suất lao động của ngành nông, lâm, thủy sản vẫn còn thấp, chiếm 52,12% trong tổng số lao động xã hội mà chỉ chiếm 22% GDP. Giá trị sản xuất ra trên một lao động nông, lâm nghiệp chỉ đạt 12,2 triệu đồng/năm 2008, chỉ bằng 37% năng suất lao động toàn xã hội, (32 triệu đồng/người) bằng 24,6% năng suất lao động ngành công nghiệp chế biến.... Chi phí lao động trên 1ha gieo trồng lúa hết 250 - 270 ngày, trong đó khâu làm đất chiếm 20%, khâu tlu hoạch 30% tổng số ngày lao động. Bình quân trên 1 tạ thóc hết 5,4 ngày công/tạ khoảng 42 giờ, trong lúc đó ở Mỹ chỉ cần 30 phút/tạ thóc.

Trong điều kiện nông nghiệp Việt Nam hiện nay, chỉ có thể thực hiện cơ giới hóa ở một số khâu nhất định phù hợp với từng loại cây trồng, vật nuôi ở một số vùng, ở thời vụ thiếu lao động là cần thiết như thủy lợi, làm đất, thu hoạch, vận chuyển

Như vậy trong giai đoạn 2011 - 2020, thực hiện chiến lược tăng năng suất cây trồng, vật nuôi bằng hình thức công nghệ hiện đại kết hợp sinh học là chủ yếu, đồng thời chú ý đến chiến lược tăng năng suất lao động bằng hình thức kết hợp cơ học ở một số khâu, một số thời vụ phù hợp, phấn đấu giảm chi phí, hạ giá thành nông sản phẩm; đầu tư một cách có hiệu quả trên một ha canh tác nhằm tăng giá trị tối đa trên một đơn vị diện tích ruộng đất với chi phí tối thiểu trên một đơn vị nông sản phẩm có chất lượng cao là cần thiết, đòi hỏi một sự tính toán khoa học...

2.3. Hoàn thiện cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển toàn diện trên cơ sở chuyên môn hóa, tập trung hóa trong từng đơn vị, trong từng ngành, trong từng vùng sản xuất nông nghiệp. Điều đó cho phép sử dụng hiệu quả lợi thế so sánh của nông nghiệp Việt Nam trong trao đổi hàng hóa trên thị trường trong nước và thị trường thế giới.

3. Đoàn Tranh Tạp chí Nghiên cứu kinh tế tháng 12-2009.

4. Hạnh Văn - Thế giới và Hội nhập số ra ngày 03-08-2010.

Lợi thế so sánh của nông nghiệp Việt Nam là nền nông nghiệp nhiệt đới có pha trộn ít nhiều khí hậu á nhiệt đới và ôn đới trải khắp từ Nam ra Bắc và từ vùng thấp lên vùng cao, địa hình đa dạng có vùng biển, đồng bằng, trung du, miền núi, đất đai đa dạng gồm đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, mặt nước thích hợp với nhiều loại cây trồng, vật nuôi, cho ra một số đặc sản, có nguồn lao động dồi dào. Tất cả điều đó cho phép phát triển một nền nông nghiệp toàn diện gồm nhiều ngành nhiều loại nông sản phẩm có chất lượng cao. Tuy nhiên nền nông nghiệp toàn diện ở đây không có nghĩa sản xuất mỗi thứ một ít để tiêu dùng nội bộ của nền kinh tế vụn vặt của tiểu nông mà phải dựa trên cơ sở của sự chuyên môn hóa, tập trung hóa theo các đơn vị, các ngành, các vùng sản xuất nông nghiệp để có khối lượng nông sản hàng hóa lớn, có chất lượng cao, giá cả cạnh tranh thỏa mãn nguồn cầu của thị trường.

Cơ cấu sản xuất nông nghiệp Việt Nam trong thời gian qua đã chuyển đổi theo hướng kinh tế thị trường đã hình thành nhiều đơn vị, nhiều ngành, nhiều vùng sản xuất hàng hóa lớn như ngành sản xuất lúa gạo vùng đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long, ngành cao su ở Đông Nam Bộ, ngành cà phê ở Tây Nguyên, ngành chè ở Trung du miền núi phía Bắc, ngành trồng rau, hoa ở Đà Lạt và quanh các thành phố lớn, ngành cây ăn trái ở đồng bằng sông Cửu Long, ngành nuôi trồng thủy sản ở đồng bằng sông Cửu Long...

Tuy vậy, cơ cấu sản xuất nông nghiệp hiện nay còn nhiều nhược điểm, cần được hoàn thiện.

Trong cơ cấu nông nghiệp theo nghĩa rộng bao gồm nông - lâm - ngư nghiệp thì tỷ trọng ngành thủy sản tăng nhanh từ 8,3% trong năm 1990; 16,2% năm 2000, và 23,5% trong năm 2008. Ngược lại, tỷ trọng ngành lâm nghiệp tương ứng các năm trên giảm từ 8,3% xuống 4,7% và 2,7%. Vì vậy, trong giai đoạn 2011 - 2020, phải nâng cao tỷ trọng lâm nghiệp tương xứng với tiềm năng của nó bằng cách phát triển lâm nghiệp bền vững,

bảo vệ, bảo tồn bồi dưỡng nâng cao mục tiêu, lấy việc khai thác khoa học làm phương tiện chuyển mạnh sang thâm canh, sản xuất hàng hóa, đa dạng hóa sở hữu; đổi mới tư duy, nhận thức đúng tác dụng toàn diện của lâm nghiệp trong việc phát triển bền vững kinh tế, xã hội, văn hóa, tâm linh, môi trường sinh thái.

Trong cơ cấu ngành thủy sản, đã có sự thay đổi mạnh mối quan hệ giữa khai thác và nuôi trồng. Tỷ trọng ngành nuôi trồng thủy sản đã tăng từ 31,7% trong năm 2000, đến 64,2% trong năm 2005 và 66,8% trong năm 2008. Tiềm năng nuôi trồng còn lớn. Trong giai đoạn 2011 - 2020, phải đổi mới toàn diện và triệt để ngành thủy sản kết hợp hợp lý giữa khai thác và nuôi trồng, lấy nuôi trồng làm trục chủ yếu, phát triển ngành chế biến và dịch vụ để tạo ra hệ thống bốn trục lớn trong ngành thủy sản, là khai thác, nuôi trồng chế biến, dịch vụ cần quan tâm đầy đủ đến trục dịch vụ. Hiện nay khâu này chủ yếu bị nước ngoài nắm, không có lợi cho phát triển thủy sản Việt Nam.

Đối với cơ cấu ngành nông nghiệp theo nghĩa hẹp bao gồm hai ngành trồng trọt và chăn nuôi - mối quan hệ tỷ lệ giữa trồng trọt và chăn nuôi đã thay đổi theo hướng tích cực, tỷ trọng trồng trọt giảm, tỷ trọng chăn nuôi đã tăng từ 17,9% trong năm 1990; 18,9% trong năm 1995, 19,7% trong năm 2000; 24,7% trong năm 2005 và 27,5% trong năm 2008. Tuy vậy tỷ trọng ngành chăn nuôi còn bé, chưa phản ánh được ngành chăn nuôi đã trở thành ngành sản xuất chính mà chủ yếu là chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán trong gia đình. Trong giai đoạn 2011 - 2020, phải phát triển mạnh ngành chăn nuôi theo hướng chăn nuôi công nghiệp, hình thành các trang trại chăn nuôi tập trung với quy mô thích hợp. Khuyến khích chăn nuôi gia đình chuyển lên chăn nuôi tập trung trong những địa bàn được quy hoạch thích hợp. Có chính sách hỗ trợ kỹ thuật cho ngành chăn nuôi, đặc biệt là việc phòng trừ dịch bệnh.

Đối với ngành trồng trọt, tiếp tục phát triển lúa gạo để bảo đảm an ninh lương thực

theo đúng nội dung đã quy định và có nhiều gạo xuất khẩu, nhưng phải quan tâm hơn nữa đến các cây hoa màu lương thực, rau, hoa, quả. Đưa ngành trồng cây ăn trái lên ngành xuất khẩu lớn. Chuyển các ngành cây công nghiệp lên thâm canh cao. Cùng với việc đó, phát triển một số cây trồng, vật nuôi mới, như trồng cây nguyên liệu cho ngành năng lượng sinh học, nuôi cá nước lạnh, và các vật nuôi đặc sản khác....

2.4. Phát triển công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản, xây dựng các vùng nguyên liệu vững chắc, nâng cao chất lượng sản phẩm chế biến.

Công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu của phát triển nông nghiệp trong nền kinh tế thị trường hội nhập. 80% nông sản phẩm xuất khẩu còn ở dưới dạng thô, sơ chế. Nông sản phẩm tinh chế chiếm tỷ lệ nhỏ bé, chất lượng sản phẩm chưa cao. Do đó giá trị thương phẩm không cao. Nghiêm túc mà nói Việt Nam đã trở thành nước cung cấp nguyên liệu cho nước ngoài.

Vùng nguyên liệu nông nghiệp cung cấp cho công nghiệp chế biến chưa vững chắc. Một số cơ sở sản phẩm phải nhập nguyên liệu từ nước ngoài như ngành chế biến điều, chế biến đồ gỗ... làng nghề mây tre đan cần 60 - 80 nghìn tấn mây nguyên liệu, nhập 33 nghìn tấn mây bằng 41% - 55% số lượng mây nguyên liệu cần thiết. Hà Nội hiện nay có 100 làng nghề mây tre, hàng năm cần hàng nghìn tấn mây nguyên liệu thế mà phải mua từ Tây Bắc, Miền Trung và nhập từ Lào, Campuchia, Indônêxia. Đó là một nghịch lý đối với Việt Nam một nước giàu mây, tre, nứa⁵.

Ngành chế biến mía đường do thiếu nguyên liệu nên chỉ sử dụng hết 50% đến 75% công suất của các nhà máy.

Vì vậy, trong giai đoạn 2011 - 2020, phải đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến với công nghệ hiện đại và xây dựng các vùng nguyên liệu vững chắc, liên kết giữa công nghiệp chế biến với sản xuất nguyên liệu, có

cơ chế bảo đảm hài hoà lợi ích giữa người chế biến, với người sản xuất nguyên liệu; ràng buộc trách nhiệm giữa các bên trong quá trình phát triển và nâng cao chất lượng nông lâm, thủy sản đã qua chế biến.

2.5. Xây dựng các loại hình thức kinh tế phù hợp trong nông nghiệp. Nâng cao chất lượng kinh tế hộ gia đình gắn liền kinh tế hộ với các tổ chức sản xuất kinh doanh dịch vụ lớn hiện đại để làm chỗ dựa đi lên sản xuất hàng hóa, phát triển các trang trại gia đình là nhân tố trung tâm trong tương lai, đồng thời khuyến khích phát triển các trang trại tư nhân lớn, các doanh nghiệp tư nhân trong nước và có vốn đầu tư nước ngoài. Ở những ngành, những nơi có điều kiện cho phép, hướng các doanh nghiệp này vào ngành sử dụng công nghệ cao, sử dụng ít ruộng đất, củng cố các hợp tác xã hiện có, phát triển các hợp tác xã mới tiếp tục sắp xếp và đổi mới các lâm, nông trường quốc doanh, công ty lâm nghiệp thành các loại hình kinh tế hoạt động theo luật doanh nghiệp theo hướng cổ phần hóa các doanh nghiệp nông lâm nghiệp; chuyển thành công ty TNHH một thành viên (100% vốn nhà nước) giải thể những nông lâm trường quốc doanh và công ty nông lâm nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh không có hiệu quả.

Cùng với các việc trên, hình thành các loại hình kinh tế mới phù hợp.

Kinh tế hộ gia đình hiện nay là loại hình kinh tế đông đảo nhất với gần 10 triệu hộ, chiếm khoảng 98% tổng số lao động và 92% giá trị sản xuất nông nghiệp.

Sau khi đổi mới kinh tế, kinh tế hộ gia đình đã tỏ ra một loại hình kinh tế lý tưởng về mặt khuyến khích và quản lý. Tuy vậy, hiện nay kinh tế hộ gia đình đã bộc lộ nhiều nhược điểm; phân tán, ruộng đất manh mún, cản trở sử dụng kỹ thuật hiện đại, chất lượng sản phẩm hàng hóa không cao tỷ suất hàng hóa thấp... Vì vậy, trong giai đoạn 2011 - 2020, cần nâng cao chất lượng kinh tế hộ

5. Chí Kiên - Hà Nội mới, ngày 24-11-2010.

bằng cách gắn kinh tế hộ với các tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ lớn hiện đại trong nông nghiệp và ngoài nông nghiệp để làm chỗ dựa cho kinh tế hộ đi lên sản xuất hàng hóa và hiện đại hóa công nghệ, như mô hình Tổng công ty Mía đường Lam Sơn và Nông trường Sông Hậu đã làm.

Hoàn thiện các trang trại gia đình (gia trại) hiện có và xây dựng các trang trại gia đình mới với bước đi thích hợp là rất cần thiết trong giai đoạn 2011 - 2020. Trong các thập kỷ tiếp theo, trang trại gia đình sẽ là loại hình kinh tế chủ yếu trong hệ thống nông nghiệp. Phát triển các trang trại tư nhân lớn trong những vùng, ngành có điều kiện cho phép, khuyến khích phát triển các trang trại tư nhân trong ngành chăn nuôi theo hướng hiện đại kiểu công nghiệp, trong ngành công nghệ cao.

Trong thời gian qua, số lượng trang trại tăng nhanh. Năm 2000 cả nước có 57.069 trang trại đã tăng lên 120.699 trang trại trong năm 2008 (bằng 211,39%). Cụ thể, số lượng trang trại tăng lên tương ứng ở các vùng như sau: đồng bằng Bắc Bộ: 792,70%; trung du miền núi phía Bắc: 175,64%; Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung: 213,46%; Tây Nguyên: 263,43%; Đông Nam Bộ: 166,90%; đồng bằng sông Cửu Long: 179,81%. Số lượng trang trại tập trung chủ yếu ở đồng bằng sông Cửu Long với 54483 trang trại chiếm 47,6% tổng số trang trại của cả nước. Đồng bằng sông Hồng chiếm 14,31%, trung du miền núi phía Bắc chiếm 2,66%, Bắc Trung Bộ và duyên Hải miền Trung chiếm 15,08%, Tây Nguyên chiếm 7,85%; Đông Nam Bộ chiếm 11,42%. Năm 2008 số lượng trang trại phân bổ vào các ngành hoạt động như sau: trang trại trồng cây hàng năm chiếm 20,06% trồng cây lâu năm chiếm 20,66%. Chăn nuôi chiếm 14,61% nuôi trồng thủy sản chiếm 28,98%.

Mỗi vùng các trang trại tập trung vào một số ngành có thế mạnh. Trong năm 2008 ở đồng bằng sông Hồng, số trang trại chăn nuôi chiếm 46,78%; nuôi trồng thủy sản 39,11% tổng số trang trại của vùng; ở trung

du miền núi phía Bắc, trang trại trồng cây lâu năm 26,11% trang trại chăn nuôi 25,39%; Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung, trang trại trồng cây ngắn ngày 29,08% trang trại thủy sản 22,13%. Tây Nguyên trang trại trồng cây lâu năm 79,33%; Đông Nam Bộ trang trại trồng cây lâu năm 61,28%; ở đồng bằng sông Cửu Long, trang trại trồng cây ngắn ngày 45,19% và nuôi trồng thủy sản 44,03% tổng số trang trại trong vùng.

Đối với doanh nghiệp tư nhân trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hiện nay không có nhiều, chủ yếu hướng về kinh doanh nông nghiệp trên diện tích lớn.... Trong điều kiện bình quân ruộng đất ít đất hoang không còn nhiều. Đó là trở ngại cho sự hình thành và phát triển mới. Vì vậy, trong giai đoạn 2011 - 2020, nên khuyến khích phát triển các doanh nghiệp tư nhân trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vào các ngành sử dụng công nghệ cao, và sử dụng ít đất.

Đối với hợp tác xã, tiếp tục củng cố các hợp tác xã sẵn có và phát triển các hợp tác xã mới ở những ngành, những vùng còn ít, đặc biệt là ở các ngành, vùng sản xuất hàng hóa lớn. Hiện nay cả nước có 7592 hợp tác xã, trong đó có tới 45,9% tập trung ở vùng đồng bằng sông Hồng; số liệu tương ứng của các vùng khác là: trung du miền núi phía Bắc 9,54%; Bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ 29,79%; Tây Nguyên 2,9%; Đông Nam Bộ 0,79%; đồng bằng sông Cửu Long 10,08%.

Đối với các doanh nghiệp nhà nước trong nông nghiệp chủ yếu là các nông lâm trường quốc doanh, các công ty nông lâm nghiệp đang giữ 434.699,94 ha đất nông nghiệp và 3.961.859,7 đất lâm nghiệp nhưng phần lớn lại sử dụng kém hiệu quả nên đang tiếp tục sắp xếp đổi mới theo hướng: (1) Cổ phần hóa những doanh nghiệp nông lâm nghiệp có đủ điều kiện; (2) Chuyển thành công ty TNHH một thành viên 100% vốn Nhà nước ở những địa bàn cần thiết; (3) Giải thể những nông lâm trường quốc doanh, những công ty nông lâm nghiệp yếu kém, sản xuất kinh doanh không có hiệu quả; (4) Xác định quy mô

ruộng đất tối ưu cho các doanh nghiệp; số đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, rừng dôi ra, giao lại cho địa phương quản lý để thực hiện việc giao đất, giao rừng cho nông dân. Ngoài các nội dung trên, cần hình thành xây dựng các loại hình kinh tế mới phù hợp.

3. Cần thực hiện một số chính sách thúc đẩy phát triển nông nghiệp Việt Nam giai đoạn 2011-2020 trong điều kiện của nền kinh tế thị trường và hội nhập

3.1. Tăng cường đầu tư cho nông nghiệp tương xứng với vai trò và vị trí của nông nghiệp trong nền kinh tế quốc dân và xã hội. Năm 2008 tuy nông nghiệp chiếm 22,9% trong cơ cấu tổng sản phẩm trong nước (GDP) và đóng góp 23,8 tỷ đô la bằng 26,33% tổng số trị giá xuất khẩu cả nước, nhưng bản thân ngành này cũng chỉ mới nhận được 7% trong tổng số đầu tư của Nhà nước dành cho các ngành kinh tế quốc dân. Tỷ trọng đầu tư cho nông nghiệp năm 2008 đã giảm đáng kể so với các năm trước đó (số liệu đầu tư các năm trước như sau: năm 2000: 13,84%; 2002: 8,96%; 2003: 8,45%; 2004: 7,76%; 2005: 7,46%; 2006: 7,56%; 2007: 6,7%).

Việc giảm đầu tư ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của nông nghiệp. Chỉ số phát triển giá trị sản xuất nông nghiệp (năm trước = 100 tính theo %, ngày càng giảm.): Năm 2000: 105,4%; 2001: 102,6%; 2002: 106,2%; 2003: 104,5%; 2004: 104,1%; 2005: 103,2%; 2006: 104,1%; 2007: 103,6%; Hiện nay tốc độ tăng chỉ đạt 3,2% 3,4%. Tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm 3,2 3,4% là còn thấp xa với tiềm năng của nông nghiệp Việt Nam. Phải hết sức cẩn thận tránh rơi một cách vô ý thức vào chiến lược coi trọng công nghiệp, xem nhẹ nông nghiệp của một số nước trên thế giới đã đưa đến sự không hài hoà phát triển kinh tế xã hội của đất nước. Vì vậy, trong giai đoạn 2011 2020, phải tăng cường đầu tư hơn nữa cho nông nghiệp theo hướng tập trung cho nghiên cứu, áp dụng khoa học công nghệ hiện đại, cho công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, cho thủy lợi và xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật phục

vụ cho sản xuất, cho chế biến, bảo quản nông sản phẩm sau thu hoạch.

3.2. Tạo điều kiện cho nông dân tiếp cận với nguồn tín dụng, giải quyết tình trạng thiếu vốn kinh niên của nông dân, cho vay kịp thời trong những thời kỳ nông dân thiếu vốn sản xuất phải bán tháo nông sản phẩm với giá thấp trong vụ thu hoạch để nông dân có thể giữ lại nông sản phẩm chờ giá lên, hoặc trong thời kỳ nông dân bán lúa non phải vay nặng lãi.

3.3. Chính sách thị trường ổn định và mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản phẩm trong nước và trên thế giới, hỗ trợ nông dân nâng cao năng lực trong việc tiếp cận thị trường tiêu thụ nông sản phẩm (tiếp thị, xây dựng thương hiệu, quảng cáo...) cung cấp đầy đủ và chính xác cho nông dân những thông tin về thị trường; có chính sách gắn kết giữa sản xuất của nông dân và thị trường tiêu thụ nông sản phẩm.

3.4. Chính sách về ruộng đất. Ban hành chính sách thay thế cơ chế thu hồi và đền bù quyền sử dụng đất bằng cơ chế mua và bán quyền sử dụng đất trên thị trường để hoàn thiện thể chế thị trường trong nông nghiệp và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nông dân - vốn là kẻ yếu trong cơ chế thu hồi và đền bù quyền sử dụng đất. Hiện nay, ruộng đất không phải là hàng hóa mà quyền sử dụng ruộng đất mới là hàng hóa trao đổi trên thị trường. Thị trường quyền sử dụng ruộng đất đang bộc lộ nhiều hạn chế. Vì vậy cần chuyển thị trường quyền sử dụng ruộng đất nông nghiệp sang thị trường ruộng đất nông nghiệp thật sự. Ruộng đất sẽ trở thành hàng hóa thật sự. Để thực hiện được vấn đề này cần chuẩn bị và tiến hành thừa nhận quyền sở hữu tư nhân về ruộng đất của nông dân.

Đối với việc tập trung và tích tụ ruộng đất cần phải có bước đi phù hợp, phải dựa vào tốc độ công nghiệp hóa, đô thị hóa rút lao động ra khỏi nông nghiệp, tuyệt đối không được làm cho nông dân mất đất, thất nghiệp và bần cùng hóa.

3.5. Bảo vệ môi trường sinh thái trong nông nghiệp theo hướng phát triển nông

nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch và hạn chế đến mức tối đa sự tác động từ bên ngoài

Từ năm 1995, các nhà khoa học, đặc biệt là chương trình KX-08 đã cảnh báo rằng môi trường sinh thái nông nghiệp đã bị phá hủy đến mức cực kỳ nghiêm trọng. Thế rồi, từ đó đến nay, môi trường sinh thái trong nông nghiệp không được cải thiện, mà ngày càng xấu đi nhiều hơn.

Tác nhân gây ô nhiễm môi trường sinh thái trong nông nghiệp có thể chia ra 3 nhóm:

Nhóm thứ nhất do bản thân sản xuất nông nghiệp gây ra như sử dụng không hợp lý phân bón hóa học, thuốc phòng trừ sâu bệnh làm cho đất bị cứng (xi măng hóa) và huỷ diệt đa dạng sinh học; áp dụng chế độ canh tác không hợp lý làm xói mòn đất đai, khai thác rừng bừa bãi, phá rừng chuyển sang trồng các cây công nghiệp lâu năm; cao su, cà phê gây lũ lụt, hạn hán, sạt lở triền miên, nuôi trồng thủy sản với lượng thải và chất thải hàng năm lên đến gần nửa tỷ m³, làm ô nhiễm nguồn nước, đặc biệt ở đồng bằng sông Cửu Long...

Nhóm thứ hai do hoạt động của các ngành ngoài nông nghiệp gây ra như đổ phóng bừa bãi các chất thải từ các khu đô thị, khu công nghiệp các nhà máy, làng nghề... làm ô nhiễm nguồn nước giết chết các dòng sông, phá hủy môi trường sinh thái, huỷ diệt các loại thủy sinh như ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Dương, Quảng Ngãi, Tổng công ty Vedan...

Cùng với tình hình trên, việc xây dựng bừa bãi các công trình thủy điện, các hồ chứa nước, các công trường khai khoáng... vừa chặt phá, thu hẹp diện tích rừng, vừa xả lũ không đúng quy trình công nghệ làm thay đổi các dòng chảy của các con sông lớn, nhỏ đã gây ra lũ lụt, hạn hán triền miên, đặc biệt ở các tỉnh miền Trung.

Nhóm thứ ba là do sự biến đổi khí hậu toàn cầu mà Việt Nam là một trong những địa bàn chịu sức ảnh hưởng nặng, gây ra bão,

lũ, hạn hán, nặng nề làm tổn thất lớn cho nông nghiệp.

Suy cho cùng, các nhóm tác nhân trên đều do con người hoặc ít hoặc nhiều gây ra. Nên có thể nói bên cạnh “thiên tai” là “nhân tai”. Có lẽ “nhân tai” lớn hơn, kinh khủng hơn “thiên tai”. Trời sinh trời dưỡng, nhưng con người thì huỷ diệt không hề tiếc thương.

Đứng trước thực tiễn đó, để bảo vệ và hoàn thiện môi trường sinh thái trong nông nghiệp trong giai đoạn 2011 - 2020 và lâu dài, phải giáo dục nâng cao ý thức con người đối với việc bảo vệ môi trường sinh thái, có cơ chế ràng buộc và răn đe đối với hành vi phá hủy môi trường sinh thái của cá nhân và các tổ chức, các ngành, các cấp khác nhau.

Cùng với việc đó cần phải tiến hành sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, sử dụng hợp lý phương tiện hóa học, thay thế phương tiện hóa học cho phương tiện sinh học, sử dụng phương tiện hữu cơ, cương quyết chấm dứt nạn chặt phá, thu hẹp rừng dưới mọi hình thức; đẩy mạnh phát triển rừng, trồng và bảo vệ rừng, để độ che phủ đạt lại ít nhất 48% trong thập kỷ thứ hai thế kỷ XXI. Việc xây dựng các công trình thủy điện, hồ đập, khai khoáng phải được tính toán hết sức khoa học, không được gây tai họa cho môi trường sinh thái nông nghiệp, gây thiệt hại cho dân cư. Chấm dứt sự ô nhiễm gây ra bởi các hoạt động ngoài nông nghiệp.

Tích cực tham gia chương trình hạn chế sự biến đổi khí hậu toàn cầu, tích cực nghiên cứu, chuẩn bị ứng phó đặc biệt khi biến dâng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS. Lê Cao Đoàn. Triết lý phát triển. Quan hệ công nghiệp - nông nghiệp. Thành thị - Nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam. NxbKHXH - Hà Nội 2001
2. Malcolm Gillis, Dwigh. H, Per KinS, Michael Roemer, Donald R, Snodgrass. Kinh tế học của sự phát triển. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương, 1990.
3. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế; Tuần báo Thế giới và hội nhập; Báo Hà Nội mới.